

THẾ NGUYỄN

Hồi chuông *tắt lửa*

truyện



TRÌNH BẦY

Hồi chuông tắt lửa

Thế Nguyên

hồi chuông tắt lửa

Thế Nguyên

Bìa: *Họa sĩ Vĩ Ý*

Nguồn: *Thư Quán bản thảo*

Trình bày: *Muôn Phương*

hồi chuông tắt lửa

THẾ NGUYÊN

MỤC LỤC

1. Hồi chuông tắt lửa – tác phẩm văn xuôi đặc sắc – <i>Vanvn</i>	9
2. Thế Nguyên – Cây Ách Chuồn Của Phong Trào “Văn Chương Dẫn Thân” – <i>Du Tử Lê</i>	14
3. Thế Nguyên và Nhóm Trình Bầy - <i>Thế Phong</i>	49
4. Hồi chuông tắt lửa – <i>Thế Nguyên</i>	67

HỒI CHUÔNG TẮT LỬA –

tác phẩm văn xuôi

đặc sắc ở miền Nam Việt Nam

Vanvn - *Hồi chuông tắt lửa* là một cuốn truyện vừa của nhà văn Thế Nguyên (1) hoàn thành tháng 8 năm 1963 và được công bố lần đầu ở Sài Gòn năm 1964. Theo chúng tôi, đây là một trong những tác phẩm văn xuôi đặc sắc ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975, nhưng chưa được giới nghiên cứu, phê bình quan tâm thích đáng. Tác giả là một trí thức Công giáo khuynh tả chịu ảnh hưởng của tư tưởng thần học giải phóng và một số quan niệm mỹ học phương Tây, trong đó có chủ nghĩa hiện

sinh và hiện tượng luận, vốn được giới thiệu ở miền Nam vào những năm 60 thế kỷ trước như một lý thuyết mỹ học và một kỹ thuật miêu tả trong sáng tạo văn học.

Bài viết này bước đầu soi chiếu vào thế giới nghệ thuật của tác phẩm Hồi chuông tắt lửa từ quan điểm hiện tượng luận của Husserl và Merleau-Ponty để phân tích cái nhìn và kỹ thuật miêu tả của nhà văn về vấn đề số phận con người với kinh nghiệm ở đời giữa những biến thiên của lịch sử dân tộc và tôn giáo. Vận dụng hiện tượng luận, trong trường hợp



Nhà văn Thế Nguyên (1942-1989).

Ký họa của Nguyễn Đồng

này, chúng tôi cũng muốn đào sâu ý nghĩa tiềm ẩn của tác phẩm từ sự phân tích của người đọc, theo tinh thần tác phẩm là đối tượng thẩm mỹ cho một ý thức tiếp nhận.

<https://vanvn.vn/hoi-chuong-tat-lua-va-cai-nhin-hien-tuong-lua-an-2/#:~:text=Vanvn%2D%20H%E1%BB%93i%20chu%C3%B4ng%20t%E1%BA%AFt%20l%E1%B%B%ADa,b%C3%ACnh%20quan%20t%C3%A2m%20th%C3%ADch%20%C4%91%C3%A1ng>.

Thế Nguyên – Cây Ách Chuẩn

Của Phong Trào

“Văn Chương Dẫn Thân”

Du Tử Lê



Nhà văn Thế Nguyên

Trong ghi nhận của tôi thì, thời điểm từ 1965 tới 1975, bên cạnh những mùa gặt sung mãn về sách dịch các loại, là sự rộ nở tới mức độ “choáng ngợp” của các khuynh hướng văn chương đối nghịch nhau.

Thời điểm đó, một số bằng hữu của tôi, dứt khoát chủ trương văn chương phải chống cộng, phải có bom rơi, đạn nổ, phải phân định rạch ròi ta/ địch... mới là... văn chương thú thật, mới phản ánh trung thực tinh thần “trách nhiệm của người cầm bút;” hay tinh thần “quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”... Phần còn lại, chỉ là những kẻ “trùm mền,” những nhà văn thành phố...

Một số bằng hữu khác của tôi, lại cổ súy dòng văn chương hiện sinh. Vì học thuyết này cho rằng cuộc đời vốn phi lý, bế tắc, vô nghĩa, rất đáng...buồn nơn. Đối

ngịch với dòng văn chương tạm gọi là “tuyển đầu, lửa đạn” là dòng văn chương chống chiến tranh. Những người cuồng nhiệt với khuynh hướng văn chương “giải giới” hay, “giã từ vũ khí” cho rằng, đó mới thực sự là nhà văn... tiến bộ.

Cùng lúc đó, một số khác lại phát cao ngọn cờ, phải “giải phóng” văn chương để văn chương hăm hở, sôi sục bước vào thế giới tình dục, như một “chân trời chói lọi mới!” Đối nghịch với khuynh hướng này, là dòng văn chương chủ trương “thơ mộng/ lãng mạn” muôn năm...

Bay lượn vọt vờ giữa những dòng văn chương vừa kể, là khuynh hướng chủ trương “tiểu thuyết mới,” (dù thực tế đã... cũ; đã bị lãng quên ngay tại nơi sinh ra là Paris;) hoặc khuynh hướng thiên tả, tôn giáo, hư vô; hoặc hớn hở, rung đùi với chủ tâm khai thác hình thức bậc

thang, hình thể zíc zắc, méo, tròn, nón lá, giấy dép...

Điều đáng nói là dù bạn thuộc khuynh hướng nào cũng đều được “welcome.”

Bạn chủ trương văn chương chống cộng ư? – Tốt quá chú! Bạn chủ trương văn chương chống chiến tranh ư? – Chúc mừng bạn! Bạn chủ trương văn chương không thể rời xa khỏi... chiếc giường? – “Mới” lắm! Bạn chủ trương văn chương thiên tả? – “Tiên tiến” đấy... Nghĩa là dù bạn có chủ trương hay, cổ súy cho khuynh hướng văn chương nào chẳng nữa thì, cũng không bị ai làm phiền, quấy rầy.

Bước ra đường, nếu bạn có gặp những nhà văn ở các khuynh hướng đối nghịch thì, vẫn là anh em. Không vì thế mà có sự mặt nặng mày nhẹ. Quá lắm, thì bạn tránh đến những chỗ được coi là

nơi thường xuyên lui tới của các nhà văn không “hợp khẩu vị” với bạn. Thí dụ:

– Nhóm Sáng Tạo chọn phòng trà “Đêm Mầu Hồng” ở đường Tự Do (của cố nhạc sĩ Phạm Đình Chương) làm nơi họp mặt thường xuyên.

– Nhóm tạp chí Văn thường gặp nhau ở quán Cái Chùa.

– Nhóm Bách Khoa (gồm các nhà văn công chức, tả / hữu đề huề) ít khi “xuống đường.” Họ chọn tòa soạn Bách Khoa ở đường Phan Đình Phùng làm nơi “tọa đàm”.

– Nhóm Trình Bầy (tòa soạn ở đường Lý Thái Tổ) chọn phở Tàu Bay, cũng nằm trên đường Lý Thái Tổ để “đóng đô” vân vân...

Mỗi khu, mỗi vùng, mặc nhiên thuộc về một nhóm, hay một khuynh hướng. Do đó, hiếm khi có vụ “lạc đạn” vì đi lộn chỗ.

Nói như thế, không có nghĩa trong 20 năm sinh hoạt văn học miền Nam Việt Nam, không có những đụng độ, va chạm giữa nhà văn này với nhà văn khác. Nhưng tất cả mọi “va chạm” nếu có, đều giới hạn trong lãnh vực văn chương, học thuật, với tinh thần tự chế, đầy tương kính.

Tôi thí dụ như giữa nhà văn Trần Phong Giao và nhà báo Lê Phương Chi, từng có một thời gian lời qua tiếng lại, khi trên tờ Tin Sách, ông Lê Phương Chi cho đăng một bài điểm sách “nặng tay” về tác phẩm “Ngồi Lại Bên Cầu” của Trần Phong Giao. Nhưng sự lên tiếng bênh vực quan điểm của mình, giữa hai bên,

đều dựa trên nội dung tác phẩm, chứ không hề đi vào đời tư, với những lời lẽ hơi “bị” thiếu văn hóa. Nó càng không hề có màn thoả mái... “tặng mũ cho nhau”, như ta thấy nhan nhản, nhiều năm qua, ở hải ngoại. Sau này, hai ông trở thành bạn tâm giao của nhau, tính tới ngày họ Trần qua đời. (1)

Cũng thế, giữa thi sĩ Nguyên Sa và Phạm Công Thiện, từng có lúc bất đồng quan điểm về một khía cạnh triết học. Hai ông từng viết bài nêu rõ quan điểm của mình; với lý luận, lời lẽ rất trí thức.

Sau biến cố tháng 4-1975, khi nghe tin nguyên tỳ kheo Phạm Công Thiện nhập thất nhiều tháng, ở chùa Việt Nam, Los Angeles, của cố Đại lão Hòa thượng Thích Mãn Giác, thi sĩ Nguyên Sa đã có bài thơ tuyệt vời – Nhan đề “Nói chuyện phải quấy với Phạm Công Thiện;” sau

được viết ngắn lại, thành “Nói chuyện với Phạm Công Thiện”.

Toàn thể bài thơ có 5 khổ, tôi xin trích 2 khổ, như sau:

“Người vào tịnh thất sống ba năm

“Cất tiếng không lời để nói năng

“Buổi sáng thình không chiều tới
chậm

“Tiền kiếp chen vô cạnh chỗ nằm.

(...)

“Dưới bóng tường im, giữa nhạc
không

“Đời đang phía trước bỗng mung
lung

“Thơ như hữu thể mà vô thể

“Có cũng xong, mà không cũng xong...” (2)

(Qua bài thơ này, tôi nghĩ, khó có thể có một bày tỏ tương kính nào, đẹp đẽ hơn.)

Những điều viết lại trên của tôi, chỉ với mục đích dẫn đến ghi nhận một biến cố văn học (nếu có thể nói được như vậy), đó là:

Tạp chí Đất Nước số 2, đề tháng 10 năm 1967; chủ đề “VĂN NGHỆ THEO ĐUÔI” – Nhan phụ: “Rời Bỏ Nền Văn Chương Trú Ẩn, Theo Đuôi Triết Học Hiện Sinh Và Những Người Cầm Bút Ở Miền Nam”, như một kiểu “tuyên ngôn” văn chương / chính trị hay một vạch phân quyết liệt phân ranh hai khuynh hướng văn chương “Viễn Mơ và Dẫn Thân”.

Đất Nước số 2 của Thế Nguyên đã bất ngờ “đoạn bào”, cắt áo, cắt tình bằng hữu bao nhiêu năm, đánh “trực diện” nhóm Sáng Tạo (bị coi như cổ súy, “phát tán” khuynh hướng văn chương Viễn Mơ mà, người bị nêu đích danh là nhà văn Mai Thảo.

Tôi dùng chữ “đoạn bào” vì tạp chí Đất Nước, do Giáo sư Nguyễn Văn Trung (bút hiệu Hoàng Thái Linh), đứng tên Chủ Nhiệm, từng cộng tác mật thiết với tạp chí Sáng Tạo ở những số đầu tiên, ngay khi ông mới về Saigon từ Bỉ – Chưa kể một số cộng tác viên của Đất Nước cũng là chỗ quen biết hoặc, có giao tình với chủ nhiệm Sáng Tạo.

Qua những bài báo trên Đất Nước nhiều số sau đó, người đọc hiểu rằng, nhà văn Thế Nguyên, tác giả truyện dài “Hồi Chuông Tắt Lửa,” (3) nhốt chung

một giỏ, tất cả những khuynh hướng văn chương nào, không chủ trương chống chiến tranh, đòi hòa bình cho miền Nam, vào một tên gọi “Văn chương Viễn Mơ”. Mà, người đứng đầu nỗ lực “phát tán,” cổ súy cho chủ trương này, không ai khác hơn là nhà văn Mai Thảo, khởi sự từ tờ Sáng Tạo, những năm giữa thập niên 1950.

Như tôi đã viết, tháng 10 năm 1967, Thế Nguyên phát hành tạp chí Đất Nước, số 2, khởi đăng loạt bài mở đầu cuộc kết án những người chủ trương văn chương “Viễn Mơ” mà, nhà văn Mai Thảo, bị coi là “thủ lĩnh đại ca” của phong trào này. Một tháng sau, tức tháng 11, nhà xuất bản Trình bày của Thế Nguyên (4), xuất bản tuyển tập thơ / văn bằng Pháp ngữ, nhan đề “Le Crépuscule De La Violence - Poèmes, Nouvelles Témoignages D’une

Guerre” – Theo thứ tự in nơi bìa sách, gồm các tác giả: Diễm Châu, Lê Tấn Hữu, Thái Lăng, Du Tử Lê, Đặng Thần Miến, Thế Nguyên, Thế Phong, Nguyễn Quốc Thái, Tạ Quang Trung, Thảo Trường. Phần chuyển ngữ do Nguyễn Ngọc Lan (Linh mục,) và Lê Hảo (tức Lê Văn Hảo, nhân chủng học,) đảm trách.

Khi tuyển tập này ra đời khoảng hơn tuần, một buổi trưa Mai Thảo rủ tôi đi ăn ở quán Ngọc Hương (?) nằm trên đường Gia Long (gần Tòa soạn nhật báo Sống.) Giữa bữa ăn, bất ngờ ông kể, ông mới đọc tuyển tập “Le Crépuscule De La Violence,” và, hỏi:

– Thế Nguyên có hỏi Lê trước khi xuất bản không?”

Tôi đáp, không. Lát sau, nhớ lại, tôi nói:

– Cách đây vài tháng, Thế Nguyên có thông báo cho tôi biết rằng Hảo-Dân-Tộc-Học (5,) có chọn một bài thơ của tôi, để dịch sang tiếng Pháp. Còn vụ in thì, tôi chỉ biết sau khi sách đã phát hành.

Rồi, tôi hỏi ngược lại:

– Có chuyện gì không anh?

Mai Thảo lắc đầu. Ông trầm ngâm – Cầm lên, bỏ xuống ly rượu cognac, nhìn mông đường phố. Tôi khá quen thuộc với những giây phút im lặng của ông. Tuy nhiên, nếu có những khoảng khắc im lặng êm đềm thì, đôi khi, giữa chúng tôi, cũng có những khoảng khắc im lặng nặng nề, thất, kiệt. Và, câu hỏi bất ngờ của ông, đã ném ra những giây phút im lặng thất, kiệt ấy. (Dù thường xuyên theo dõi mọi sinh hoạt văn nghệ của nhau,

nhưng rất họa hiểm chúng tôi đề cập tới chuyện văn chương, chữ, nghĩa).

Tôi biết, tôi có nhiều việc làm, Mai Thảo không đồng ý. Thí dụ, tôi hay đưa bài của anh em nhờ chuyển cho ông, thời gian ông phụ trách bài vở cho Văn Đề và Văn. Trong số bài tôi đưa, có không ít tác giả khiến ông nhăn mặt. Hoặc, tôi giao du thân thiết với một số người mà, họ từng lên tiếng đả kích ông. Nhưng chưa lần nào, ông nói ra, sự không hài lòng kia. Ngay cả những khi tôi nổi khùng, viết xuống những bài thơ mang tính chống chiến tranh! (Mà, bài thơ “Có gì đâu” của tôi, Lê Văn Hảo chọn dịch, là một thí dụ) – Ông cũng im lặng. Cùng lắm, ông chỉ nói gằn, xa rằng, ông thích thơ tình của tôi, hơn những loại khác.

Tôi tin ông hiểu, đó là những giây phút tôi phản ứng một cách tự nhiên trước những cái chết của bằng hữu, người thân, quanh tôi.

Thời gian đó, tôi phục vụ tại Cục Tâm Lý Chiến, ở Sài Gòn. Tôi nghĩ đơn giản, sau khi làm tròn bốn phận của người lính, tôi được quyền sống, suy nghĩ, rung động theo nhịp đập riêng của trái tim mình. Tôi nhớ, gần như tất cả thời gian tự cho phép sống riêng cho mình đó, tôi đã hăm hở đuổi theo những chùm bóng tình yêu bí nhiệm, phía trước. Tôi đã chìm, nổi hụt hơi, bơi theo tiếng gọi của những con sóng đam mê cấp bảy, cấp tám, chân trời.

Thời đó, chẳng biết có phải vì ám ảnh về cái chết, có thể xảy đến bất cứ lúc nào hay không, mà, dường tôi rất ít suy nghĩ về tương quan giữa văn chương và, thời

thế. Chưa một lần trong tôi, hiện lên, một cách nghiêm chỉnh, câu hỏi phải chọn lựa giữa văn chương “viễn mơ,” và “dấn thân.” Tôi như một người mù, để cảm hứng cầm tay, dắt đi.

Thời đó, một số bằng hữu của tôi, ở Sài Gòn, ưa cất tiếng (lập lại), những câu hỏi rất thời thượng; đại để “Viết cái gì? Viết cho ai? Viết thế nào?...” của Jean Paul Sartre, trong “Văn Chương Là Gì?” phổ biến từ năm 1947! Hay “tiên tiến” hơn nữa, thì họ nói về phong trào “tiểu thuyết mới” (nở rộ ở Pháp, từ giữa thập niên 1950), với truyện của Alain Robber Grillet, Nathalie Sarraute, Claude Simon...; kịch của Beckett, Ionesco, Adamov... Cứ như thế, chỉ một sớm một chiều thôi, các bạn tôi sẽ thành những “Phù Đồng Thiên Vương” hô “biến” những quả đồi văn chương Việt Nam

thành những ngọn núi, cao ngang tầm thế giới...!

Tôi đứng bên lề. Tôi nằm ngoài “nỗ lực” này. Tôi như người mù, để cảm xúc đời thường, với những nhiệt hứng cháy đỏ, dắt tay đi. Tôi sống hối hả tới độ không có thì giờ đọc lại bản thảo của mình. Tạp chí A., hỏi thơ? Tôi hỏi mấy ngày nữa, phải đưa? Tạp chí B., hỏi truyện? Tôi hứa, sẽ có trong vòng một tuần...

Hôm nay, nhìn lại, tôi nghĩ phải chăng, thuở đó, tôi đã sống ích kỷ? Thiếu trách nhiệm? Thiếu trách nhiệm ngay với cuộc chơi văn chương của mình? (6)

Điều may là miền Nam đã cho tôi (cho các bạn tôi), cái tự do cá nhân, phơi phơi ấy. (7)

Trở lại với Mai Thảo, cuối cùng, tựa không thể nín lặng lâu hơn, ông nói:

– Có người cho tôi tờ Đất Nước số 2. Tôi ngạc nhiên! Lê biết mà, đã bao giờ tôi viết bài đề cập “văn chương viễn mơ” đâu! Hà có gì Thế Nguyên lại đổ cho tôi là người chủ trương, người làm công việc ấy?...

Lấy một ngón tay khua động những viên đá trong ly rượu (như vuốt ve niềm thân thiết, nỗi âu yếm rất mực, của mình), Mai Thảo tiếp:

– Nhưng tôi buồn hơn cả, không phải vì những bài viết trong số báo đó. Mà, Đất Nước do Nguyễn Văn Trung đứng chủ nhiệm. Lê có nhớ Nguyễn Văn Trung với bút hiệu Hoàng Thái Linh, là người đầu tiên và, cũng là người viết nhiều bài nhất về ‘văn chương hiện sinh’ cho Sáng Tạo?

– Vâng. Tôi biết.

Tôi nói, như một cố gắng dư thừa, điền khuyết một khoảng trống!

Cả tôi và Mai Thảo, ngày đó, đều không rõ “ngòi nổ” của vụ Thế Nguyên lớn tiếng kết án chủ trương “văn chương viễn mơ,” xuất phát từ đâu?

Mãi sau này, gần đây, ở hải ngoại, khi đọc cuốn “Trong Dòng Cảm Thức Văn Học Miền Nam – Nhận Định Thi Ca Hải Ngoại” (8) của nhà thơ, kiêm nghiên cứu văn học Trần Văn Nam, tôi mới vỡ lẽ ra rằng, “ngòi nổ” đó, từ một bài viết của Trần Văn Nam, in trong tạp chí Văn Đền, số 7, năm 1967, nhan đề “Văn chương tìm về viễn mơ hay hiện thực.”

Trong sách của mình, nơi 469, họ Trần viết:

“Riêng bài ‘Văn chương tìm về Viễn Mơ hay Hiện Thực,’ đăng trong tạp chí Văn Đền đã được nhà văn Thế Nguyên trích ra dẫn chứng viết phản bác trong tiểu luận ‘Văn chương trước những mưu đồ bất chính của hệ thống chiến tranh lạnh,’ trích ra nhưng không để tên người viết Trần Văn Nam, và cũng không biết rõ đây chỉ là bài viết có tính cách cá nhân tùy hứng. Sau năm 1975, giáo sư Trần Hữu Tá sưu tầm lại bài ấy của Thế Nguyên, do đó cũng không ghi tên người viết Trần Văn Nam (xin xem cuốn ‘Nhìn Lại Một Chặng Đường Văn Học’ của G.S. Trần Hữu Tá, dày 1090 trang, xuất bản trong nước, năm 2000” (9).

Tưởng cũng nên nhấn mạnh rằng, thời gian đó, nhà văn Mai Thảo là Thư ký tòa soạn Văn Đền; Vũ Khắc Khoan, chủ nhiệm. Tòa soạn đặt trong khuôn viên

Đại học Vạn Hạnh, đường Trương Minh Giảng, Sài Gòn.

Tôi không biết sau tôi, nhà văn Mai Thảo có nói với ai khác, về việc ông bị “khép tội” chủ trương phong trào văn chương “viễn mơ”? Với tôi thì không. Sau lần nói chuyện với nhau ở tiệm cơm Ngọc Hương, đường Gia Long, Mai Thảo dường đã quên, chuyện ấy. Tôi nói, Mai Thảo quên hay không đề cập nữa, vì, sau bài “Văn chương trước những mưu đồ bất chính của hệ thống chiến tranh lạnh,” Thế Nguyên và các bạn ông, tiếp tục “triển khai” trận đánh với cường độ “oanh kích” ngày một gia tăng bom, đạn...

Một trong những bài viết được phổ biến trên tạp chí Đất Nước, cũng đã tố cáo tác giả “Người đàn bà trong vòng đai trắng” là người nhận tiền trợ cấp từ một

bộ phận phụ trách văn hóa thuộc tòa đại sứ Hoa Kỳ, ở Sài Gòn, để xuất bản tờ Sáng Tạo. Nhóm Sáng Tạo cũng bị lên án là theo đuổi “chủ nghĩa độc đảng!” Xóa bỏ quá khứ. Khoanh vùng. Và, chỉ “suy tôn” nhau mà thôi.

Tuy có phương tiện trong tay, cũng như nếu cần, có thể sẽ có nhiều diễn đàn bạn, sẵn sàng “nhập cuộc” để bênh vực mình; nhưng Mai Thảo đã chọn thái độ thản nhiên, im lặng. Theo tôi, đây là một trong những cung cách ứng xử mà, Mai Thảo đã giữ được suốt đời mình. Chưa bao giờ tôi thấy ông dùng ngòi bút để phản bác hay, tấn công một nhà văn. Ông quan niệm, chữ nghĩa không phải là những mũi dao dùng để đâm anh em, ngay khi phải tự vệ... *Quan niệm đó, đã làm thành một nhân cách lớn. Nhân cách Mai Thảo.*

Là người khởi xướng một cuộc... “chiến tranh lạnh” trên địa bàn văn học, với ba tờ tạp chí và, một nhà xuất bản (với hàng trăm tác phẩm ấn hành trong một khoảng thời gian tương đối ngắn,) Thế Nguyên đã nhận được sự tiếp tay, cộng tác của khá nhiều văn nghệ sĩ, trí thức thuộc nhiều thành phần, nhiều khuynh hướng...

Không phải tất cả những người đến với Thế Nguyên, đều hoàn toàn đồng ý với chủ trương, quan điểm của hai tạp chí Đất Nước, Nghiên Cứu Văn Học và, bán nguyệt san Trình Bầy... Nhưng, họ đến, nhiều phần vì cá nhân Thế Nguyên, và một vài thành viên nòng cốt khác của ông – Như giáo sư Nguyễn Văn Trung; linh mục Thanh Lãng, (Chủ nhiệm tạp chí Nghiên Cứu Văn Học); Diễm Châu (Tổng thư ký), Nguyễn Quốc Thái (Thư

ký) tòa soạn Trình Bầy.

Về những tác giả thành danh cộng tác với Thế Nguyên, chúng ta có thể kể: Nguyên Sa, Thảo Trường, Đỗ Long Vân, Nguyễn Khắc Ngũ, Trần Thái Đình, Lê Tôn Nghiêm... Lớp mới, có Hoàng Ngọc Biên, Lê Văn Hảo, Lữ Phương, Nguyễn Trọng Văn, Thái Lãng... Và, dĩ nhiên, Thế Nguyên là nơi “tìm về,” là một “địa chỉ hoa” của những cây bút trẻ, chủ trương “dấn thân” (Đồng nghĩa với chống chiến tranh, đòi hòa bình cho đất nước!)

Về tính cách cá nhân thì, dù không phải đi lính vì lý do gia cảnh, nhưng Thế Nguyên vẫn tứ thời hớt tóc “đầu đinh / ba phân.” Người mỏng; mắt hơi lồi; nụ cười hờ hợt; quần, áo lèng xềng; quanh năm đi dép; phong cách công nhân nhiều hơn một nhà văn (hay một nhà vận động chính trị,) Thế Nguyên đã mang lại cho

những người tiếp xúc với ông, (ngay lần đầu,) cái cảm giác gần gũi, tin cậy. Chóng vánh. (10)

Với ánh mắt ân cần, với điệu thuốc gần như lúc nào cũng trên tay, Thế Nguyên thuộc loại người một tháng chưa dùng hết một bao diêm quẹt, (chỉ tốn 1 cây diêm quẹt đầu ngày?) Ông có thể lắng nghe bạn nói nhiều giờ, không mệt mỏi... Chưa kể, một khi đã là bằng hữu, Thế Nguyên thường tỏ ra rất quan tâm tới đời sống riêng, thói, tật của bạn. Ông luôn cho người đối thoại với ông, cảm tưởng ông là người dễ thỏa hiệp, thậm chí, dễ thuyết phục. Sự thực, ngược lại. Ở những lãnh vực thuộc về niềm tin, lý tưởng thì, ông thuộc loại cực đoan. Dứt khoát. Tàn nhẫn, nếu cần. Tôi nghĩ, ông có nhiều hơn, một con người, trong một con người. (11)

Dù Thế Nguyên có bao nhiêu con người, trong một con người thì, với tôi, những đóng góp của ông ở phương diện báo chí, văn chương, vẫn là những đóng góp đáng kể. Với sự tiếp tay của nhiều người, ông đã khai mở một dòng chảy mới, cho văn chương miền Nam, từ giữa thập niên 1960. Một dòng văn chương sôi sục đối kháng.

Đặc biệt, với bảng hiệu nhà xuất bản Trình Bầy, qua một số dịch giả khác nhau, ông đã giới thiệu với độc giả miền Nam, những nét đặc thù của văn chương Nhật Bản (như tiểu thuyết của Kawabata;) văn chương Đại Hàn (như truyện của Richard Kim) và, nhất là thi ca của những tác giả thuộc khối thứ ba, thời đó, tương đối còn xa lạ với người Việt, đa phần, do nhà thơ Diễm Châu chuyển ngữ.

Ngay cả khi những tiết lộ mới đây, của tác giả Lữ Phương về Thế Nguyên, trong hồi ký nhan đề “Lữ Phương, Những chuyến ra đi” (12) có là sự thật, thì, tôi vẫn thấy, tôi gần với ghi nhận của thi sĩ Nguyên Sa về Thế Nguyên. Tác giả “Áo lụa Hà Đông” thấy con người Thế Nguyên là một... tu sĩ. Một kẻ giang hồ! Muốn “thế thiên hành đạo”. (13)

Chỉ tiếc, Thế Nguyên mất sớm. Ông từ trần tại Sài Gòn, ngày 15 tháng 8 năm 1989, ở tuổi 48.

Nhà thơ Nguyễn Quốc Thái, một trong vài bạn văn thân thiết với Thế Nguyên, còn ở lại Sài Gòn, sau biến cố 30 tháng 4-75, kể rằng, một buổi chiều rảnh rỗi, tác giả “Hồi chuông tắt lửa” dùng dao cắt (hay khoét bỏ) một mụn cóc ở chân. Lưỡi dao bị nhiễm độc mà, ông không biết. Đêm đó, ông lên cơn sốt. Nghĩ,

không quan trọng. “Cũng thường thôi!” Nhưng qua hôm sau, ông bị co giật với những cơn sốt trên 40 độ C. Người nhà cầu cứu Nguyễn Quốc Thái. Họ Nguyễn chạy đến, đưa ông vào bệnh viện.

Trên giường bệnh, lúc tỉnh táo, linh cảm rằng mình đã bước rất gần cõi chết, ông bảo bạn:

– Chậm rồi! Thái ạ.

Đúng vậy! Nguyễn Quốc Thái nói, chứng phong đòn gánh (tetanus,) không phải là một chứng bệnh gì khó chữa. Nhưng thời gian đó, Saigon gần như thiếu tất cả mọi thứ thuốc! Bác sĩ giỏi mấy cũng... “bó tay!”

Nguyễn Quốc Thái kể thêm:

“Dù sao thì tôi vẫn tin rằng, cuối cùng, Thế Nguyên đã ra đi trong thanh

thần. Trước giờ bạn đi, tôi đã mời được cha đến làm phép xúc dầu, xưng tội, giải tội... cùng mọi nghi thức tôn giáo khác...”

Tính đến hôm nay, nhà văn Thế Nguyên từ trần đúng 20 năm. Nó cũng tương đương với 20 năm văn học miền Nam. Nền văn học đã đem đến cho ông những ngày tuổi trẻ “nhập đồng.” Những ngày tuổi trẻ rục rờ chữ và, nghĩa. Đường và, lối. Tin và, tưởng...

Nhưng, cũng kể từ 20 năm sau cái chết, ở thế giới khác, tôi không biết ông nghĩ gì về cái chết lãnh nhách. Cái chết cũng phi lý như cuộc chiến tranh đối đầu giữa hai ý thức hệ... Tôi cũng không biết, ông có nghiệm ra rằng, nhiệt tâm của một nhà văn như ông, dù “dấn thân” đến đâu, rốt ráo, thực tế đã phũ phàng, cho thấy: Nó cũng giống như một loại... “viễn mơ,” mà thôi!

Và, trong chừng mực nào đó, nếu có cơ hội nhìn lại, tôi nghĩ, ông không thể phủ nhận rằng, miền Nam đã cho ông, cho các bạn ông, cho chúng ta, những người cầm bút, số tự do đủ, để được sống như một nhà văn, với những suy nghĩ, cảm nhận, hành động...

Nhưng phải chăng, đôi khi, chúng ta đã lạm dụng nó, một cách vô trách nhiệm?!?

(Calif. May 21. 2009)

Chú Thích:

(1) Đọc thêm “Trần Phong Giao, Người gác cổng văn học, tạp chí Văn,” kỳ thứ 2, nhật báo Người Việt, California, số đề ngày Thứ Năm 16 tháng 4-2009.

(2) Đọc “Thơ Nguyên Sa Toàn Tập,” trang 191, Đồi xuất bản, California, 2000.

(3) “Hồi Chuông Tắt Lửa” của nhà văn Thế Nguyên được tái bản nhiều lần. Nội dung tác phẩm khiến nhiều Ky-tô-hữu thuần thành, phải lên án sau khi đọc. Cùng với LM Nguyễn Ngọc Lan, LM Chân Tín, các giáo sư Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, ông được xếp vào thành phần “Công giáo cấp tiến.”

(4) Nhà xuất bản Trình Bầy ra đời cùng lúc với tạp chí Đất Nước. Nhưng tạp chí Trình Bầy thì mãi tới ngày 1 tháng 8 năm 1970, mới phát hành số 1.

5) Anh em nhóm Trình Bầy quen gọi T.S. Lê Văn Hảo là Hảo-Nhân-chủng-học, để phân biệt với Hảo-Kinh-tế, tức T.S. Nguyễn Văn Hảo, có thời làm Phó Thủ tướng, đặc trách kinh tế. Cũng như anh

em quen gọi Trung Nguyễn và, Trung Lý, để phân biệt Nguyễn Văn Trung và, Lý Chánh Trung, cả hai đều là giáo sư.

(6) Trong một gặp gỡ tình cờ tại nhà cựu Thiếu tá Lê Hùng, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 341, Tiểu khu Bình Tuy, tôi thổ lộ với Lữ Quỳnh, sự nhìn lại của mình. Không ngờ, ông cho biết, ông cũng có những tâm cảnh, như tôi.

(7) Nếu không ở miền Nam thì, khi Giáo sư Lê Văn Hảo, trở thành Thị trưởng Huế, trong những ngày CS chiếm giữ hồi Tết Mậu Thân, 1968; sau rút “lên núi,” chắc chắn tôi đã bị cơ quan an ninh kêu “làm việc” hay “giải trình” một nghỉ. Chỉ bởi vì ông chọn dịch thơ tôi sang tiếng Pháp. Dù cho tôi có gân cổ giải thích, tôi không hề quen biết ông, cũng chẳng ai tin! Tương tự, nếu Thế Nguyên và, một số bạn ông trong nhóm Trình Bầy,

(như G.S. Trần Tuấn Nhậm,) nếu không ở miền Nam, các ông cũng sẽ không thể “vô tư” kêu gọi chống chiến tranh, đòi hòa bình, như đã từng. Tôi nhớ Trần Tuấn Nhậm, đầu thập niên 1970, ứng cử chức vụ Dân Biểu, tại Saigon, với khẩu hiệu “Chống Mỹ Cứu Nước”... Tuy không đắc cử, nhưng ông cũng không bị một cơ quan an ninh nào bắt ông phải “giải trình” gì hết.

(8) Trần Văn Nam, “Trong dòng cảm thức...,” California, Hoa Kỳ, 2006, tr. 465.

(9) Sđd.

(10): Thế Nguyên là bút hiệu của Trần Gia Thoại, sinh năm 1942, tại Nghĩa Hưng, Hà Nam Ninh. (Nhà thơ Nguyễn Quốc Thái cho biết, Thế Nguyên sinh năm 1941.) Theo gia đình di cư vào Nam, năm 1954, ông tốt nghiệp Cán

sự Công chánh (cùng khóa với nhà thơ Phan Lạc Giang Đông;) phục vụ tại Cục Công Binh, đường Nguyễn Tri Phương, đối diện Nhà thờ Dòng Đồng Tiến, Saigon. Thế Nguyên được miễn dịch vì là con trai duy nhất.

(11): Nguyên Sa, “Hồi Ký,” Đời xuất bản, Calif., Hoa Kỳ, 1998. Tr. 167.

(12): Lữ Phương, Hồi ký “Những chuyến ra đi;” www.daohieu.com, đề mục chung: “Lề bên trái.”

(13): Sđd.

<https://dutule.com/a3145/the-nguyen-cay-ach-chuon-cua-phong-trao-van-chuong-dan-than->

**Thế Nguyên và
Nhóm Trình Bầy**

Thế Phong

Có hai người cầm bút trong thập niên 60 ở Saigon cùng có bút danh và tên trùng nhau:

a - “Thế Nguyên – Trần Gia Thoại” (1917 - ?) viết sách tiểu sử nhân vật như “Phan Bội Châu”, “Nguyễn Thái Học”, v.v... Tân Việt xuất bản - đến đổi sau này Cornell Univeristy Libraries (Volume 6 -G.K. Hall & Co, Bos-

ton 1976). không thể phân biệt được Thế Nguyên –Trần Gia Thoại đội tên ngoài thực tế là 2 người khác nhau.

b - Sau hiệp định Genève 20/7/1954, nước Việt Nam chia hai giới tuyến, cuộc di cư hàng triệu người vào Nam, trong đó có gia đình bố mẹ “cậu quý tử độc nhất (enfant unique) một gia đình phú gia địch quốc Nam Định” , và mua nhà tại 291 Lý Thái Tổ (Saigon 10) tới ngày ông bà qua đời tại đây, kể cả “nhà văn Thế Nguyên -Trần Gia Thoại”. Cậu quý tử học sinh trường Trung học Trần Lục đã cầm bút rất sớm. Hết thuê “manchette báo” (tuần báo Kỷ nguyên mới), rồi tự làm giai phẩm “Văn Mới” (tạp chí xuất bản không định kỳ, xin phép kiểm duyệt như sách) - chủ một nhà in Bùi Trọng Hựu (150 Võ Tánh, Phú Nhuận) rất yêu văn nghệ, bằng lòng cho in chịu - tới 1970

bắt đầu đứng tên chủ nhiệm tạp chí văn nghệ Trình Bầy, địa chỉ tòa soạn vẫn đặt tại 291 Lý Thái Tổ, (Saigon 10). Đó là tờ tạp chí văn chương “độc lập tài chính” tầm cỡ ở Saigon khi ấy, khác “Sáng tạo”, “Thế kỷ 20”, “Hiện đại” phải nhận viện trợ Mỹ hoặc quỹ văn hóa Sở Nghiên cứu chính trị, xã hội /giám đốc Trần Kim Tuyến (mật thám, an ninh chìm thời tổng thống Ngô Đình Diệm).

Bạn bè vừa là học trò vừa làm văn thơ khi ấy của Thoại là Tiệp (chủ nxb “Tổ hợp Gió” in khá nhiều tiểu thuyết nữ sĩ Lệ Hằng (ban đầu ký Cao Nguyên Ngọc), Đinh Trần Nguyễn, Tạ Quang Trung, Phạm Thiên Thư, Phan Lạc Giang Đông, v.v... nhưng kẻ phụ tá đắc lực nhất chỉ một Diễm Châu - thi sĩ rất không ưa mang tên thật trên giấy khai sinh là Phạm Văn Rao - bèn rao tin

“thư ký hộ tịch dốt nát ở Hải Phòng viết chính tả sai ấỵ mà!”

Lúc này Rao đi học, ở nhà với bố mẹ ở 161 Hồng thập Tự, có lối đi sau lên gác, tôi thường hay tới ngủ trọ, khi chưa xoay ra tiền trọ trả chủ nhà. Rao có chụp tôi, qua vài “pô ảnh”, một tấm y hệt “văn sĩ thực thụ đang hành nghề” - tấm này sau được in nơi bìa 4 “Nhà văn hậu chiến 1950-1956 / Lược sử văn nghệ Việt Nam: 1900-1956” (bản tái bản - bìa nâu) - Rao khen: “đúng là một văn sĩ nhà nghề, nào ai biết cảnh khổ sở này, trốn nợ phải xin ngủ lang ở nhà bạn?”

Giai đoạn này tôi thường gặp Rao, kể cả lần “áp tải” tới Trường Nữ Gia Long thi vấn đáp Tú tài 2 - gặp giám khảo X.. (anh ruột người bạn khác, tên Nguyễn Hữu Hưng) - tôi giới thiệu gián tiếp Rao - cũng là bạn Hữu Hưng.

(thật ra Rao không biết Nguyễn hữu Hưng). Đậu xong, Rao vào học Đại học Sư phạm, tốt nghiệp, rồi qua Huê Kỳ du học, sau làm Giám đốc trung tâm ngoại ngữ thuộc Đại học Bách khoa Saigon, thì phải? (tôi không nhớ chính xác, giai đoạn này tôi không còn liên lạc thường xuyên với Phạm Văn Rao - Diễm Châu.

Khi Trần Gia Thoại trở thành công chức làm ở Khu Tạo tác tại Trại Đào Duy Từ (Phú Thọ) - cùng tôi xúc tiến in sách rô-nê-ô với tư cách tổng thư ký Đại Nam văn hiến xuất bản cục, Khải Triều quản nhiệm (công khai in phương danh ở bìa 4 sách rô-nê-ô - hai vị này đều là tín hữu Thiên chúa giáo).

Tôi nhớ mang máng, khoảng đầu 1963, đi làm về, anh ghé tôi, mang theo những trang bản thảo Hồi chuông tắt lửa đã viết được trong ngày đưa đọc

để góp ý. Đầu đó vài tháng sau, anh đưa tập đánh máy stencil bản thảo để tôi đọc và tìm một nhà in rô-nê-ô tin cậy ở Hai bà Trưng Tân Định in vào ban đêm cho an toàn - hình như tháng 8/1963 phát hành cùng tập thơ “Miền lưu đầy” của Ninh Chữ in rô-nê-ô. Chủ nhà may CAN - Tạ Văn Ân (tên khai sinh thi sĩ Ninh Chữ) - nhà may lớn tầm cỡ Chua đường Huỳnh Thúc Kháng, Saigon 1 - chuyên may com-lê tổng thống Diệm) - nằm trên số nhà 10 đường Tự Do - đem thơ rô-nê-ô mới in tặng chủ xí ban Tao Đàn - Đinh Hùng (nhân danh CAN, chủ nhà may cắt một bộ com-lê tặng tác giả “Đường vào tình sử”).

Còn Thế Nguyên gửi tôi Hồi chuông tắt lửa, nhắc đưa tặng Uyên Thao - trưởng phòng Kiến thức phổ

thông Đài - thì đầu đó, chỉ một 2 ngày, ban Tao đàn / chủ xí Đinh Hùng (nhiều thánh giả mền mộ, không giống Thăng phải gió hay phịa “tao đàn, nó hát, đếch ai nghe!” - rồi trên Đài phát bài điểm sách Hồi chuông tắt lửa - Uyên Thao khen cuốn tiểu thuyết hay với cách viết độc đáo của tác giả. Thế là các “cha xứ nhà thờ” thân chế độ họ Ngô dùng dùng phần nộ, phản ứng quyết liệt: “... sao Đài phát thanh quốc gia lại đọc bài viết khen cuốn tiểu thuyết của tên phản động nội ứng V.C. nào đó, dám vu cáo linh mục có con riêng?!”

Dư luận lùm xùm, gây tiếng vang ồn ào, như chưa từng xảy ra - tất nhiên Đại Nam văn hiến xuất bản ~~cục không thể không dính chấu?~~ Có thể vì vậy, ít ngày sau, nhận được một thư lạ - tên người đặc biệt - gửi tới địa chỉ Đại

Nam văn hiến xuất bản cục - thuê bao tại Hộp thư 1123 Saigon. Đó là .Nguyễn văn Trung, 3... Duy Tân, Saigon 3. Thì ra, ông Trung cậy nhờ tôi sắp xếp cho “anh ta” được gặp Thế Nguyên - tác giả một tiểu thuyết Hồi chuông tắt lửa rất “interesting” có một không hai - thời gian này, vì tôi và “anh ta” chưa thể coi nhau là bạn - nên tặc lưỡi: “... thì cứ đưa thư này cho tác giả, Thế Nguyên sẽ tự quyết định lấy!”

Vài tháng sau, cuối 1963, chế độ Đệ nhất Cộng hòa bị lật đổ - chứ không - chẳng hiểu “hậu quả cuốn truyện nói về cha xứ có con riêng” - từ tác giả, nhà xuất bản, nhà in rô-nê-ô, người viết bài khen Hồi chuông tắt lửa sẽ ra sao?

Còn một chuyện lạ nữa, dư luận đặt chuyện Hồi chuông tắt lửa chưa chắc đúng là tác giả Nuôi con nhơn

tình - vì văn phong khác hẳn - luật sư - thi sĩ T.Q.Tr. (xin được giấu tên) có sách in trong Đại nam văn hiến hỏi: “... em hỏi điều này, nếu anh biết thì phải trả lời thực Hồi chuông tắt lửa do Diễm Châu viết, Thế Nguyên ký tên. Có đúng hay không?”. Trả lời: “Theo tôi biết, trước khi in, mỗi chiều đi làm về, Thế Nguyên mang đến đọc cho nghe từng đoạn trong Hồi chuông tắt lửa - tôi tin tác giả Hồi chuông tắt lửa và Nuôi con nhơn tình” là một”.

Nhớ lại có một lần (trước 1963), Thế Nguyên tự lái xe hơi Toyota 800 (pick-up) về Mỹ Tho, ngủ tại nhà bố mẹ vợ anh. Bố mẹ Tăng Hoàng Xinh (vợ anh) gốc Hoa rất thương yêu rể, hình như nguồn tài chính làm báo có một phần ông bà ấy bỏ ra. Tối đầu tiên ở Mỹ Tho, Thế Nguyên rủ tôi đi dò sang mấy cồn ở

Bến Tre chơi - tôi lắc đầu từ chối (mà trước đó đã rất thích) - không nói ra cho anh hay, thi sĩ Thế Viên (thiếu úy Hồ Thế Viên phụ trách An ninh quân đội tại đây) và Đỗ Kiến Mười (trưởng ty cảnh sát Mỹ Tho) cho biết: "... bạn sang để ở hẳn bên đó thì hãy sang. Còn Bến Tre - toan VC không hà...?" (Thế Viên là bạn thân văn chương, còn Mười - bạn ở Thư viện Quốc Gia xưa, thường gặp tôi ăn "cơm tây cầm" (bánh mì) buổi trưa, gọi đùa "Mít-tờ Xạc" - mà khi đó tôi đâu có đeo kính cận và mặc "quần soọc" như trung sĩ quân dịch Jean-Paul Sartre đâu?!)

Khi ấy, tôi không biết vợ Thế Nguyên có một chị hai cùng làm ở Khu Tạo tác, trước ở Mỹ Tho, rồi Cần Thơ với Thế Nguyên. (chị Hai nấu món "ra-gu" bò rất ngon - sau này là "chị nuôi" - đầu bếp một vị cán bộ lớn cực kỳ tại Cục

R) - cứ theo tin thông tấn "Ba-bê-xu", thì Thế Nguyên đã được móc nối theo Giải phóng miền Nam từ khi thành lập vào cuối 1960. Ngay từ đầu năm 1960, Thế Nguyên rủ tôi về Cần Thơ chơi - tôi ở đây hàng tháng trời, ban ngày rong chơi, hẹn nhau ăn trưa, tối ở quán, tối ngủ ở nhà thuê gần bờ sông, hướng đi Sóc Trăng (anh ta xin đổi về Khu Tạo tác Cần Thơ để làm việc cùng sở với chị hai bên vợ).

Đã có dư luận cho rằng: "... Giải phóng miền Nam cấp tiền xuất bản nhật báo Làm dân - tin này không phải vô căn cứ - vậy ra chị Hai bên vợ Thế Nguyên đã móc nối cậu em rể đã từ rất lâu sao?!"

Sau đó, vây quanh anh ta có đủ thành phần: cựu linh mục Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Ngọc Lương, đại úy Quân đội nhân dân vào vai "địch hậu" di cư

vào Nam, trở thành nhân viên làm Đài phát thanh Saigon (bút danh Nguyễn Nguyên), Trần Tuấn Nhậm, Trần Quang Long (tác giả “Bông cúc vàng” Nxb Trình Bầy in) v.v... (xem thêm ở cuối trang - Ban biên tập Trình Bầy.)

30/4/1975 sau Saigon - Thế Nguyên nhân viên tờ tuần báo Văn nghệ tp. HCM - hình như chỉ được cấp trên giao trọng trách thầy cò sửa lỗi bài in, Ít lâu lâu, Thế Nguyên không tới sở làm, không tới lĩnh lương - “cán bộ biên chế” nằm lì ở nhà “say như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng trong khói nàng phù dung ảo huyền”- rồi bất ngờ qua đời lãng xẹt ở Bệnh viện Chợ Quán - chính nạn nhân chẳng mấy vui - mắt mở không cần ai vuốt - vậy là tác giả “Hồi chuông tắt lửa” ra đi, ngọn lửa hừng đã tắt ngúm thật rồi!

Còn Phạm Văn Rao - Diễm Châu và Phạm Thị Sáng - được một nhà văn Pháp bảo lãnh, anh chị “chôn chân ở Strasbourg”- và có một lần cuối, anh trở về thăm Hà Nội trước, Saigon sau. Nhà báo Quốc Thái gọi điện thoại mời gấp tới quán 27 Nguyễn Thị Diệu gặp bạn cũ. Bắt tay trò chuyện, rồi tôi chở anh ngồi sau xe gắn máy về nhà - tôi lấy một bản cuối cùng Hồi ký ngoài văn chương - bản in ở Huê Kỳ - ký tặng. Anh nói nhiều hơn tôi, tiếc cho tôi “dù bơi giỏi, con rái cá vẫn sải cánh trong ao tù”.

Tiến ra cửa, nhìn cánh cửa sắt “sao cửa sắt nhà bạn ta cao thế nhỉ, hơn 4 mét phải không?” Tôi chỉ nói ít lời, hỏi thăm cô Mận - cô em gái duy nhất của anh hiện ở đâu? Và ông anh cả thì sao nhỉ? “Trả lời nhát gừng: “.... nó ở Mỹ ông ạ!

Khách sạn anh trọ ở Saigon ở đầu đường Trần Kế Xương, thuộc Phường 7 - Phú Nhuận. Một khách sạn không trưng bảng hiệu - biệt thự ba bốn tám chi đó - khách đến do giới thiệu truyền miệng với chủ nhân có “gốc đạo Thiên chúa” - đối diện là quán cà phê NOIR . Nhìn đồng hồ quá 10 giờ đêm, quá trễ nên không thể cụng ly “đen” lần 2 tại đây rồi. Nào đâu có biết đó là lần cuối gặp anh! Rõ tiếc.

Thi sĩ Diễm Châu qua đời do anh Lan báo tin - cuối năm 2006 - thì 27/2/2007 chẳng nhớ ai đã gọi điện thoại báo: “... cữu linh mục Nguyễn Ngọc Lan đã nghe tiếng được Chúa gọi, già từ cuộc đời rồi!” Thế ra hai tên bạn quý đã đóng tròn “tuồng tích cuộc đời” rồi sao?! tôi tự nhủ vậy!

Giờ này - tôi còn giữ được tờ Trình

Bầy duy nhất - đề ngày 15/12-1971/ xuân Tân Hợi - và trang cuối có mục lục :

TRẦN ĐỖ DŨNG: Tết, ngày hội lớn của dân tộc, 4 - NGUYỄN KHẮC NGŨ “Tranh tết Việt Nam, 12 - HOÀNG NGỌC NGUYỄN: Thế giới năm bảy mươi, 23 - NGUYỄN SA: Công tử Nguyễn Sa, thơ, 41 - Mưa, thơ, 42 - Bài thơ cho tập thơ bị kiểm duyệt, 117 - DIỄM CHÂU: - Trong nguồn cơn đó, thơ, 44 - Một năm chống áp bức, 61 - NGUYỄN QUỐC THÁI -Tiếng đàn của người không với tới mùa Xuân , thơ, 46 - THẾ NGUYỄN: Buổi chiều, trên một quốc lộ, truyện, 49 - TRẦN TUẤN NHẠM: Việt Nam, năm Tân Hợi, 54 - NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG: Tiểu thuyết, truyện, 67 - NGUYỄN NGUYỄN: Cái đầu lân, truyện, 72 - THẾ PHONG: Hãy tự hào là người Việt Nam, thơ, 79 - MAI TRUNG TĨNH: Cái

chết võ về, thơ, 87 - Quê hương, thơ, 88 - NGUYỄN MAI: Những ngày quên bật trời trên đầu, truyện, 90 - HOÀNG NGỌC BIÊN: Người đạp xe vào thành phố buổi sáng, truyện, 95 - Nhân vật năm 1970, 130 - DU TỬ LÊ : Khi ở biển với T. Ch., thơ, 103 - CHU VƯƠNG MIỆN: Đông phương, thơ, 106 - CAO THANH TÙNG: Giọng kèn tiếng quyến rũ, 111 - NGUYỄN ĐỒNG; Tranh tết, 125.

TRÌNH BẦY

Tạp chí văn hóa chính trị xã-hội - ra ngày 1 và 15 mỗi tháng.

logo Trình Bầy (*)

Chủ nhiệm kiêm chủ bút: Thế Nguyên.

Tổng thư ký: Diễm Châu.

Biên tập: Lý Chánh Trung, Thanh Lãng, Đỗ Long Vân, Phạm Cao Dương, Nguyễn Sa, Nguyễn Văn Trung, Thảo Trường, Nguyễn Khắc Ngữ, Trần Tuấn Nhậm, Nguyễn Quốc Thái, Tôn Thất Lập, Thế Nguyên, Hoàng Ngọc Biên, Nguyễn Đồng, Nguyễn Nguyên, Trần Đỗ Dũng, Hoàng Ngọc Nguyên, Du Tử Lê, Cao Thanh Tùng .

Quản lý: Tăng Hoàng Xinh.

Tòa soạn: 291 Lý Thái Tổ - Saigon.

(*): logo tạp chí Trình Bầy + nxb Trình Bầy - Thế Nguyên cày tôi (Thế Phong), nhờ họa sĩ Vĩ Ý vẽ “chùa” - không có nhuận bút. Khi ấy họa sĩ ở đường Nguyễn Tiểu La, Saigon 10. (Thế Phong) chú thích.

HỒI CHUÔNG TẮT LỬA

Thế Nguyên

(1942- Saigon 1989)

(bản in rô-nê-ô xuất bản lần đầu

Đại Nam Văn Hiến - Saigon, 8/1963).

Buổi trưa hôm sau lúc tan giờ học, tôi khoan khoái trở về nhà định bụng sẽ làm một giấc cho đến tối. Vì ngày mai là ngày kỷ niệm Chúa chịu

chết, thường lệ trường tôi được nghỉ. Hơn nữa theo lời yêu cầu của mấy thầy già xứ, cha T. cho bọn học trò nghỉ thêm một buổi chiều nay để chúng dọn mình xưng tội rước lễ trong tuần Thánh. Cơm nước xong, tôi lên giường vừa chợp mắt được một lát thì thằng Ánh vào đánh thức tôi dậy. Cha T. cần hội giáo viên ở phòng khách nhà xứ. Tôi khoát tay cho thằng Ánh trở về ngồi dậy mặc quần áo mà không khỏi cảm thấy băn khoăn về cuộc gặp gỡ sắp tới. Vì lẽ ra, cả buổi chiều nay cha T. bận việc thiêng liêng không còn thể dư thì giờ để giải quyết một chuyện gì khác. Nhất là qua lời thằng Ánh, buổi họp chỉ còn có thêm cô giáo và anh K. chứ ngoài ra nó không thấy được cha T. cần dặn phải mời thêm một số thầy nào nữa.

Khi tôi bước vào căn phòng khách nhà xứ thì đã thấy cô giáo và anh K. ở đấy. Cha T. giơ tay tỏ ý mời tôi ngồi xuống chiếc ghế dài cùng chỗ với anh K. Cô giáo ngược mắt nhìn tôi rất nhanh rồi lại cúi xuống.

– Tôi mời các thầy và cô tới đây vì một lời tố cáo quan trọng. Cha T. đưa mắt nhìn khắp chúng tôi. Trong khi cha nói, một ngón tay trỏ của cha gõ gõ xuống mặt bàn theo từng nhịp nhẹ. Có người đã gửi cho tôi lá thư này, cha giơ lá thư lên cho chúng tôi thấy, tố cáo một chuyện không thể tưởng tượng được xảy ra giữa các giáo viên của trường, cha nói tiếp.

Mọi người vẫn im lặng. Đột nhiên cha T. hất hàm nhìn thẳng vào mặt tôi, họ tố cáo thầy với cô giáo làm chuyện ô uế tại xứ này. Tôi bàng hoàng như người

bị dội một gáo nước thật lạnh, sao lại có chuyện như thế được, tôi nghe thầy K. và cô giáo đã đính hôn. Như chỉ đợi có thế, anh K. nhếch miệng cười vênh mặt nhìn tôi, tại sao lại không có thể xảy ra được.

– Nếu có đủ bằng cứ tôi đệ đơn xin từ chức.

Tôi buột miệng và chờ đợi phản ứng của cô giáo, nhưng cô vẫn nín thinh.

Căn phòng đột nhiên im lặng, như một thứ im lặng giả tạo đè trĩu lên đầu mỗi người.

– Tôi không muốn các thầy tranh luận ở đây, cha T. bật lên nói, lá thư này là một lời cảnh cáo không thể bỏ qua, mặc dù nó không đưa ra đủ bằng cứ, mặc dù nó lại là của một kẻ nặc danh.

Anh K. cướp lời:

– Của một kẻ nặc danh hèn nhát.

Cha T. sững sốt nhìn anh, tôi cũng mong như thế... Anh K. cười gằn đứng dậy, không, chính cha mới là kẻ hèn nhát. Không dám đọc lên cho mọi người nghe, cha lại còn định bỏ qua lá thư đó bằng một lời cảnh tỉnh đạo đức giả vờ. Kẻ bị tố cáo trong thư cũng là kẻ hèn nhát. Nó bị vạch mặt nạ đạo đức lại còn lên mặt đòi bằng cứ. Nó tưởng một cái đơn từ chức có thể bôi mờ được chuyện tồi bại...

Tôi và cha T. cùng đứng dậy một lượt, K. dần giọng nói tiếp:

– Cái không khí này làm tôi ghê tởm. Cô (anh chỉ vào cô giáo), cô giáo kia chỉ là một nạn nhân khốn nạn. Cách đây ít lâu tôi có đem lòng yêu mến cô, vì tưởng rằng sẽ gặp được một người vợ đẹp mẹ hiền... Nhưng cô không phải là

hạng người như tôi tưởng. Tôi không bao giờ tin vào lời đồn thổi, nhưng lâu dần rồi tôi cũng phải thấy lòng tin tưởng của tôi đối với cô bắt đầu lung lay. Những sự kiện khiến tôi hoài nghi tấm lòng thành thực của cô là lá thư gửi cho ông... (K. nhìn tôi rồi rút túi lấy lá thư của cô giáo đặt lên mặt bàn) và cuốn nhật ký này (anh lôi trong ngực áo ra một cuốn sổ nhỏ bọc vải đen có in chữ vàng ở gáy, trong lúc cha T. đứng sững nhìn K.

Tôi khoanh tay ngó ngang cô giáo. Cô vẫn điềm nhiên ngược mắt nhìn lên K. Anh hấp tấp lật mấy trang đã đánh dấu sẵn bằng mấy mẫu giấy báo, đọc to:

– Cha không bao giờ tiết lộ sự bí mật của đời con. Sự bí mật đó thuộc vào phần mà cha sẽ mang theo xuống mộ. Chỉ có Cha mới rõ sau này. Con phải hiểu rằng Ánh cần có một người cha. Riêng cha,

đối với nó đã cố hết sức uốn nắn. Nhưng cha nghĩ dầu sao, ở tuổi ấy nó cũng vẫn cần có một mái nhà, một mái nhà khác hơn hiện tại với tình thương mến của con.

K. lật sang đoạn khác:

– Cha cầu Chúa cho con mở mắt để nhìn ra sự thật. Một sự thật có thể làm biến đổi cả đời con. Mặc dầu cha vẫn nhớ tới bốn phận và lời thề hứa trước mặt Chúa là bảo toàn danh dự cho con. Kh. ơi! Cha muốn cho con can đảm nhận lấy phần việc của mình. Cha mong ước con trở lại đường lối quang minh mà Chúa đã vạch ra. Nếu lia Ánh, cha cũng sẽ hết sức đau lòng. Nhưng sự đau khổ sẽ dẫn ta tới Chúa, nếu tâm hồn ta biết đón nhận cùng một lượt sự đau khổ đó và ơn Chúa. Hơn nữa, dầu sao người ấy cũng đã thành thật yêu con. Cha nghĩ là

có lẽ không còn dịp may nào hơn để con thoát khỏi một tình trạng hiểm nghèo.

Anh K. gấp quyển sổ lại nhìn cha T. ngay từ phút đầu, nhận thấy sự vồn vã của cha đối với dự định hỏi cô giáo của tôi, tôi đã lấy làm lạ. Nhưng bây giờ, bây giờ thì tôi đã hiểu rõ ràng tại sao cha lại có thái độ ân cần vồn vã, vì... thằng Ánh là con của cha với cô giáo!

Như một tiếng sét, tôi bàng hoàng đưa mắt nhìn cha T. và cô giáo. Cha T. cúi đầu lẩm bẩm điều gì, giọng cha hơi run vọng tới tai tôi không rõ, nhưng tuyệt không có lấy một cử chỉ, một dáng vẻ gì giải thích sự xúc động cả. Cô giáo kêu lên hai tiếng “trời ơi” rồi đưa hai tay bùm chặt lấy mặt, gục đầu xuống.

Anh K. đặt quyển sổ xuống bàn gay gắt.

– Từ nay, tôi xin phép gọi cha bằng ông. Vâng... Ông. Ông không thể xứng đáng với bộ y phục nhà tu kia nữa. Ông đã bao dung một đứa đàn bà xảo trá, dâm loạn. Ông còn cả gan coi thường dư luận khi nhận thằng Ánh làm con nuôi (K. quay sang cô giáo). Còn cô, tôi cần nói ngay với cô là tất cả những dự định xây dựng của tôi đối với cô, từ giờ phút này kể như không còn nữa. Cô Khanh! Vâng, tên thật của cô là Lê Khanh chứ không phải cái tên Thanh giả hiệu kia. Làm gì mà cô phải đổi cái tên mỹ miều ấy, nếu không phải là đã hơn một lần cô bán rẻ nó. Làm gì mà cô phải lưu lạc xứ người, nếu chẳng vì để khỏi nghe những lời nguyên rủa...

Trong lúc K. dừng lại lấy hơi, cha T. giữ nét mặt bình thản. Còn cô giáo vẫn cúi đầu như chờ đợi. Chờ đợi gì? Mọi người im lặng như chịu đựng. Không dè trước cái phản ứng thụ động đó K. hùng hổ hơn lên:

– Tất cả các người, các người chỉ là những xác chết, những xác chết thối tha trong những cái áo quan thếp vàng đẹp đẽ. Các người chỉ là những kẻ đã thối nát đến tận cùng xương tủy. Khi con thú bị lột da, hạnh kiểm của các người đáng được nêu ra cho công chúng phỉ nhổ. Cử chỉ của các người thật đáng sỉ nhục.

Trong lúc K. nói, tôi liếc nhìn cha T. với nước da nhạt màu sáp, dáng người cao, gầy, gầy như thấy suốt được, hợp với bộ đồ đen mặc trên mình, nó khiến cha có vẻ thuộc hẳn về giáo hội, về cái thế giới âm u hãm mình đánh tội của

thời xa xưa. Tới khi K. ngừng lại, cha T. mới chậm rãi ngẩng đầu lên đôi người đắm trong một lớp sương mù, như thể một lúc vừa chịu ơn thánh sủng. Những ngón tay cha đặt trên bàn chằm chằm như một loài ốc. Mọi người im lặng.

Trong ánh mắt cha T. một tia sáng bắt đầu xuất hiện nhưng mơ hồ như vẫn còn một phần sương mù bao phủ. Đột nhiên, cặp môi cha mấp máy, giọng chậm và nhỏ như muốn để chính mình có đủ thì giờ nghiền ngẫm.

– Chúa đã phán không ai có quyền xét xử ai, nếu không muốn bị xét xử. Riêng cha không những cha xét xử, không tự biện hộ cho mình. Cha còn xin Chúa tha tội cho con, tha tội cho chúng ta, tất cả.

Giọng nói cha T. nhỏ dần và sau cùng chỉ còn thoảng nhẹ như hơi thở. Anh K.

bỏ ra ngoài để lại cuốn nhật ký và lá thư trên bàn. Cha T. ngập ngừng một lúc, nhìn tôi và cô giáo rất nhanh rồi cúi nhặt cuốn nhật ký. Cha ra khỏi phòng khách thì cô giáo ngẩng đầu lên. Tôi vội lấy lá thư lại gần nắm tay cô giáo, thôi, về đi em. Cô giáo vịn vào tay tôi đứng lên như một người ốm chưa khỏi hẳn. Tôi ngược đầu lên, tầm mắt chạm vào tượng Thánh giá lung lẳng trên tường. Một cơn lốc cuốn bụi mịn mù ngoài sân trống.

*

Khi chúng tôi bước ra tới cửa, thằng Ánh đang ngồi dưới một cụm hoa loay hoay với với đôi sàng đan của nó. Đôi sàng đan mà sau này tôi mới rõ là K. đã

cho Ánh khi nhờ nó lấy trộm cuốn nhật ký của cha T. Ánh trông thấy chúng tôi thì chột dạ, dúm vội đôi sang-đan vào một bụng cỏ rồi chạy ra đẩy cổng. Lúc bấy giờ trời đã ngã chiều. Ánh nắng nhuộm vàng mái tóc thẳng bé. Cô giáo dừng lại một giây xoa đầu Ánh dịu dàng.

Tôi đưa chân cô giáo về tới nhà, lúc quay trở lại nhà trọ trời đã tối sẫm. Từ các “giong” trên, từng đám người đổ ra kéo nhau đi về phía nhà nguyện dự lễ Rửa chân. Tôi vào nhà cơm nước qua loa rồi lên giường nằm lặng nhưng không sao ngủ được. Chừng hai ba tiếng đồng hồ sau tôi vừa thiếp đi thì nghe tiếng động nhẹ như tiếng gõ cửa. Rồi có tiếng gọi lúc đầu thì nhỏ sau to dần. Tôi ngồi nhòm dậy vịn bắc đèn lên cao. Ánh đèn khiến tôi hơi rức mắt.

Anh K. đã đứng ở đầu giường tôi tự lúc nào. Ngó thấy anh tôi kinh ngạc đưa tay dụi mắt. Anh K. thấy dáng điệu của tôi như vậy thì nhún vai sè hai tay trước mặt với một vẻ thiếu nã vô cùng. “Chúng nó” gặp nhau rồi anh ơi! Tôi ngồi thẳng dậy đưa mắt nhìn anh, “chúng nó” là ai? Thì cô giáo của anh với thằng “khốn nạn”. Nghe anh K. nói, tôi giật bắn người buột miệng, cha T.? Anh K. lắc đầu thờ dài buông phịch người xuống một chiếc ghế. Bóng anh che khuất một mảng ánh sáng hắt lên vách chập chờn.

Anh kể, hồi tối tôi có việc, đi ngang qua nhà cô giáo. Tới trước nhà cô, tôi chợt thấy một cái bóng đen cao lớn đang vén cái màn màn lên. Nó đứng chắn ánh đèn nên tôi không nhìn rõ mặt. Tôi thoáng nghe tiếng cô giáo rú lên nho nhỏ. Cái màn màn buông xuống,

người khách lạ đã bước vào trong nhà. Tò mò, tôi vội chạy lại nép sát vào bức vách nghe ngóng.

– Ông còn về đây làm gì?

– Em đừng sợ, tôi hiện bị bọn kháng chiến truy tầm, nên phải về đây nhờ cha T. giúp cách vượt qua sông vào Tề, tôi muốn lại thăm em lần chót.

– Tôi không muốn nhìn thấy mặt ông nữa.

– Nhưng còn đứa bé, dầu sao tôi cũng là cha nó.

– Tôi tưởng ông làm cha nó lúc này đã quá muộn, nó đã có một người cha và không cần sự can thiệp của một người như ông; chuyện cũ đã qua, xin ông đừng đến quấy rầy một tâm hồn đã ghé thăm ông nữa.

– Nhưng dù sao cô cũng phải cho tôi biết tên nó là gì?

Không thấy tiếng trả lời. Bỗng tôi nghe có một tiếng xô ghế, rồi người đàn ông ấy bước ra hấp tấp. Tay ông vén cái màn màn lên khiến tôi nhìn rõ cô giáo đang ngồi quay lưng ra phía ngoài. Đột nhiên, tôi thấy người khách bỏ rơi cái màn màn bước trở lại phía cô giáo lệ hết sức, đến nỗi cái màn màn chưa rơi hẳn xuống, tôi đã thấy cô giáo quay phắt lại, khuôn mặt bừng bừng.

Tôi hoảng sợ định la lên nhưng lại thôi, tiến lại gần hé cái màn màn thấy người khách lạ chính là ông M. vừa trở lại làng này lúc chiều qua và hiện ở trong nhà xứ đã xô cô giáo xuống chân ghế. Ông ta lặp lại:

– Tên nó là gì?

Cô giáo vẫn im lặng. Bất chợt, hai tay ông vung ra xiết chặt lấy chiếc cổ trắng nõn của cô. Cô giáo ú ớ một hồi, cuối cùng tôi nghe thấy cô nhắc đến tên thằng “Ánh”. Người đàn ông buông tay ra, cô đưa một bàn tay lên xoa cổ, mái tóc buông rũ che khuất một bên mặt. Mắt bên trái cô mở rộng mà như bất động. Trong một phút tôi nhìn cô không chớp như thể bị con mắt đó thôi miên. Rồi không rõ có phải vì nhìn thấy tôi hay không, cô lịm đi ngã hẳn xuống chân ghế dầu ngoẹo sang một bên. Trong lúc ông M. hấp tấp chạy tới, tôi mới vội vàng bỏ về đây...

Trong lúc anh K. kể chuyện, tôi đi lại trong cái bóng tối dày đặc sau lưng anh. Tới lúc anh ngừng lại, tôi còn nghe rõ những tiếng lẩm bẩm của chính mình “vô lý! Ông M. mà là cái bóng đen đằng

sau nhà bệnh?” K. quay lại nhìn tôi, một đường viền ánh sáng bọc quanh làn má phính của anh. Anh nói sao? Tôi chợt dạ quay lại, ánh sáng hắt vào thái dương khiến tôi đưa tay lên vuốt tóc, không. Tôi lắc đầu mấy cái liền. Anh K. ngơ ngác nhìn tôi. Tôi đưa chân anh ra về, anh dừng lại một giây trước cửa tỏ ý hối hận về chuyện không hay xảy ra hồi chiều. Mùi hoa móng rồng nồng nặc khiến tôi hắt hơi ở bậc cửa. Chân tôi vấp phải thành gỗ nhẵn nhụi mà lạnh buốt.

Khi anh K. đi xa rồi, tôi quay vào giường nằm lại nhưng chỉ được một lát, hình như tôi vùng dậy mặc vội quần áo quyết định đi tìm cô giáo. Tôi nhớ có tiếng gió bên tai thổi vù vù và từng tiếng động trong đêm đều ngừng cả lại khi chân tôi tiến tới. Tóc xỏa bờm xôm rũ trên trán trên mắt tôi và mỗi khi tôi hé

miệng lấy hơi, một chút lạnh lùa vào rồi lại phà ra ngay theo cùng hơi thở. Đến trước nhà cô giáo, tôi nhớ mình dừng lại. Bên trong đèn đóm tối om, khung cửa mờ mờ ẩn hiện trong cái bóng trắng mỗi lúc càng như nhợt nhạt hơn lên. Hình như tôi đứng lại một lúc khá lâu, sau cùng buồn rầu đưa tay ngắt một nụ ngọc lan bỏ vào túi áo trước khi quay gót trở về.

Qua khu vườn muỗm, thành linh tôi chợt thấy một bóng đen từ phía nhà xứ đi ra. Cái bóng ấy lừng lững tiến lại phía tôi hết sức chậm chạp. Mà lạ thay, lúc đó tôi có cảm tưởng là đôi chân người ấy vẫn đứng nguyên một chỗ, duy có đất dưới chân ông chuyển động. Cảm giác này khiến tôi sợ hãi đến nghẹt thở. Tôi vúi chặt lấy một cành muỗm, muốn bỏ

chạy nhưng cố hết sức toàn thân cũng không thể nào nhúc nhích được.

Cho tới khi một vạt áo thâm chùng phớt ngang mặt, tôi mới hoàn hồn nhận ra ông Bô Khương và nép sát người vào gốc muỗm. Tôi như bị bao vây bởi một màn lưới âm thanh dai dẳng, đều đều toát ra từ muôn gốc cỏ. Đi qua tôi chùng chục thước, ông Bô Khương chột ngừng lại. Qua làn sương mỏng, tôi thấy bóng ông lay động và càng mỗi lúc tôi càng như bị thu hút bởi cái bóng ấy.

Hình như có một cái gì toát ra lạnh lẽo tuyệt vọng bắt tôi rùng mình đến ớn lạnh cả xương sống. Ngay lúc đó, các tiếng động chung quanh im bật. Cả cái màn lưới âm thanh dày đặc kia cũng không còn dai dẳng nữa. Tôi như bị úp chụp bởi một không gian đóng kín, tách biệt với thế giới bên ngoài.

Rồi đột nhiên tôi giật mình nhận ra một giọng nói thoảng nhẹ bên tai. Một giọng nói mà đến bây giờ tôi cũng không dám chắc, có hẳn là của ông Bô Khương; vì tôi có cảm tưởng đấy không phải là tiếng nói của thế gian này, mà là như vọng lại từ một khoảng trời cao nào đó. Tôi như bị mê hoặc đi trong cái âm thanh kỳ lạ kia cho tới khi bừng dậy, nhận ra mình vẫn đứng bên gốc muỗm, hai vai áo ướt sũng và qua làn sương mỏng, tôi thấy bóng ông Bô Khương mờ dần rồi khuất hẳn sau nhà xú. Lối mòn tôi đi đột nhiên vượt hẳn lên giữa một mặt phẳng âm thanh mỗi lúc càng như trũng sâu xuống mãi...

*

Khi tôi mở mắt dậy, căn buồng đã lờ mờ sáng, thứ ánh sáng nhợt nhạt đầu ngày. Tôi chớp mắt nhìn vào trong nhà. Người lão bộc đang bụm miệng thổi tắt ngọn lửa trong cái thông phong đèn. Ánh lửa bùng lên thật cao rồi phụt tắt. Lão thấy tôi còn oằn người trên bạo cửa thì ngượng ngùng nói, tôi thấy thấy đương ngon giấc nên không dám đánh thức. Tôi nằm đây đã lâu chưa, tôi lồm cồm bò dậy hỏi. Người lão bộc lắc đầu, tôi cũng không được rõ, gần sáng lúc tôi tỉnh dậy thấy trên nhà vẫn còn để đèn nên mới chạy lên.

Khi tiếng chân của người lão bộc đã nhỏ dần ở vườn sau, tôi còn đứng sững ở cạnh bàn, tay nắm lấy cái thông phong đèn, lúc lắc đầu thật mạnh như vừa tan một cơn ảo mộng. Tôi nhớ tới nụ hoa ngọc lan mà trong giấc mơ đã ngắt ở

trước cửa nhà cô giáo, bất giác đưa tay sờ túi thì đột nhiên tôi giật bắn người vì nó vẫn nằm ở đấy. Tôi bàng hoàng sống trong một cảm giác thực hư lẫn lộn, không sao phân biệt được nữa...

Ngay lúc ấy, tôi nghe có tiếng lao xao ngoài lộ rồi qua khung cửa mở, một đám chừng bảy, tám đứa học trò lớn thủ vai quân Du Dêu, mặt mũi bôi nhọ gớm ghiếc, đang diễn lại một cuộc lòng bắt Chúa Cứu Thế. Tiếng xích sắt, tiếng gậy gộc trong tay chúng chạm vào nhau loảng xoảng trong khi chạy. Âm thanh xa dần và sau cùng chỉ còn thoảng nhẹ như hơi gió. Tôi quay vào nhà mặc vội quần áo mà thực ra cũng không rõ là định đi đâu cả.

Qua khu nhà nguyện, tôi nghe có tiếng thầy già xứ đọc sách Thánh từ phía trong vọng ra, “Khi ấy Chúa bảo hai ông

Maisen và Aaron ở Ai Cập rằng, tháng này là tháng thứ nhất trong năm, tháng thứ nhất trong mọi tháng. Hãy bảo cho toàn dân biết rằng: Ngày thứ mười trong tháng này, mỗi họ và mỗi nhà phải chọn một con chiên. Nếu trong nhà không có đủ người để ăn, thì hãy mời thêm những người lân cận nhất, đủ để ăn. Phải chọn con chiên đực, trong sạch, được một năm. Các người cũng có thể thay thế bằng một con dê đủ điều kiện như thế. Hãy giữ nó cho đến ngày mười bốn tháng này và tất cả dân chúng Israel sẽ hiến dâng nó vào buổi chiều. Hãy lấy máu nó bôi trên hai cánh cửa và xà ngang của nhà có người ăn. Trong đêm ấy, hãy ăn thịt nướng với bánh không men và rau rừng. Đừng ăn sống hoặc luộc, nhưng nướng. Hãy ăn tất cả đầu, chân và bộ lòng. Không được để thừa đến sáng mai. Nếu còn thừa thì hãy đốt đi. Đây là cách thức phải giữ trong

khi ăn: Hãy thắt lưng, chân xỏ giày và tay cầm gậy. Hãy ăn vội vã vì là ngày vượt qua, ngày Chúa vượt qua¹...”

Trên không, bầu trời nhợt nhạt một màu trắng đục hơi buồn. Tiếng thầy già xú từ phía sau nhỏ dần rồi thôi, không còn đuổi tới.

Ngang nhà cô giáo tôi để ý nhìn vào. Không một cánh cửa nào hé mở. Có lẽ cô đang còn ở nhà thờ. Một nụ ngọc lan nằm tênh hênh trên mặt đất. Tôi quay trở lại. Hai bên đường, lá tre lay động. Một con chim nhỏ rũ cánh bay đi làm vẩn trong giây lát lán không khí yên tĩnh chung quanh.

¹ Theo Cựu ước, lễ ăn thịt chiên là để kỷ niệm ngày giải phóng dân Israel ra khỏi ách nô lệ Ai Cập. Đằng khác, việc hiến dâng còn mang ý nghĩa như một sự Cứu Chuộc, một bí tích: mọi tội ác của người ta sẽ đổ lên đầu con chiên đực trong sạch kia và khi con vật được thiêu huỷ đi, nó mang theo luôn tất cả những vết tích nhơ bẩn đó. (Chú thích của nhà xuất bản)

Khi tôi bước vào, nhà thờ lạnh lẽo đượm một màu tang. Thánh giá phủ bằng khăn tím. Cô giáo quỳ ở hàng ghế thứ ba kế bên chiếc bồn chứa đầy hoa xoan và nả. Trong Cung Thánh, cha T. vừa cử hành xong lễ mở khăn và đang trao tượng Chúa cho hai người giúp việc đứng ở nền trước bàn thờ. Bóng anh K. giang rộng hai tay trên gác chuông sửa soạn giữ phần cho hội hát. Cha T. cời giấy, xuống tới trước Thánh giá. Ngay lúc đó tiếng hát vang lên. Cha cúi hôn chân Chúa. Điệu trầm xuống, xuống sâu tới mãi, *Pópule méus, quid féci tibi? Aut in qou contristàvi te? Respónde mihi*². Đột nhiên tôi thoáng len một chút rung mình. Hai người giúp lễ đã đưa tượng Thánh giá xuống đặt ở chiếc bồn ngang với hàng ghế của cô giáo. *Quia eduxi te*

² Dân ta hỏi, Ta đã tìm gì cho người? Hoặc ta đã làm phiền lòng người điều gì? Hãy trả lời cho Ta hay.

*de terra AEgypti: Parásti Crúcem Salvatóri túo*³.

Cô giáo đứng dậy rời hàng ghế tiến lên Cung Thánh, ánh sáng nhuộm đầy mái tóc vấn trần. Tôi lặng lẽ cúi đầu đi ra. Mùi hoa xoan nồng nặc trong không. Bên kia hồ sen, bọn học trò lớn vây bọc chung quanh ông Bô Khương và đang tiến về phía nhà xứ. Tiếng xích sắt kéo lê trên mặt đường nghe như một chuỗi dài hạt nước.

Buổi trưa trong lúc dọn cơm, đột nhiên người lão bộc dừng tay lại nhìn tôi, chiều nay thầy có ra xem xử án? Tôi ngơ ngác không hiểu. Lão nói tiếp, xử

³ Phải chăng vì Ta đã đưa người ra khỏi đất Ai Cập: Nên Thập ác người dành cho đáng cứu người.

án Bô Khương. Tôi nghĩ đó là một phần mới thêm thắt vào chương trình ngày lễ, mỉm cười lắc đầu. Người lão bộc như đoán được ý nghĩ của tôi, lão trợn mắt, chuyện thực đó thầy. Cha T. nhất định sẽ hành tội hấn. Tôi gắt lên, sao lại có thể vô lý như thế được? Không ai xét xử một người điên. Thầy không tin sao, lão nói giọng có vẻ bức mình, buổi sáng Bô Khương vào chợ ăn cắp cam của một bà già bán hàng. Mấy đứa học trò đang thủ vai Du Dâu đùa bắt giữ trình cha. Thừa thầy, dè đâu cha T. nổi giận. Người bảo dẫu sao Bô Khương cũng mang vết tích của người truyền giáo. Vết tích của một nhục nhã nhất trên đời, tôi cướp lời lão và chợt nhận ra cái vô lý tưởng không thể nào có được.

Người lão bộc đứng nhìn tôi, một chút sau lão âm thầm bước qua khung

cửa ăn ra vườn sau. Bầu trời ẩm ướt. Gió đông đưa mấy cái gọng vó ở lều con Hạnh.

*

Sau giấc ngủ trưa mệt nhọc tôi ra tới nơi, đám người đi xem đã đứng đông đặc cả cái sân cỏ phía sau nhà nguyện. Tôi đưa mắt tìm cô giáo, không thấy đâu cả nhưng con Hạnh thì đang đứng lẫn trong đám người ở làng bên. Một vài người có con em theo học trong trường thấy tôi đi qua ngã mũ chào, một số người khác ngồi xếp bằng ngay trên thảm cỏ. Chiếc áo thâm chùng đã cởi ra vắt gọn ghề ở vai.

Trên mấy bậc cấp nhà thờ, một hàng

ghế dựa được xếp ngay ngắn theo hình cung, nhưng cha T. và các quan khách thì chưa thấy tới. Đám người bu quanh vẫn ồn ào bàn tán sôi nổi. Một số người bỏ ra rửa chân ở cái ao con đằng trước nhà thờ. Vài người khác lơ đãng ngửa mặt ngó lên cây gạo coi lũ chim làm tổ. Tôi nghe mấy người chung quanh nói loáng thoáng là đâu như bữa nay còn có cả gã chủ tịch UBND xã bên tới dự. Vài thanh niên công giáo nghe tin này tỏ vẻ bất mãn vô cùng. Nhưng những người theo phe kháng chiến tới xem thì coi bộ hài lòng ra mặt.

Khi tôi quay lại nhìn về phía con Hạnh, bắt gặp mấy gã du kích đóng đồn nơi cửa sông lớn vờn chung quanh nó. Con Hạnh cũng đã trông thấy tôi, nó nheo mắt mỉm cười. Ngay lúc ấy một hồi trống vang lên. Tiếng ồn ào bỗng

dừng im bật. Không ai bảo ai, mọi người đều ngẩng lên nhìn cả về phía thềm nhà nguyện.

Cha T. đã ngồi vào ghế giữa, kế bên là gã chủ tịch và mấy vị tai mắt trong làng. Thế rồi đột nhiên những tiếng xì xào lại nổi dậy, trước nhỏ sau to dần. Từ một chiếc cửa nhỏ ở mé bên phải nhà nguyện, bố Khả hiện ra cùng với ông Bô Khương. Tôi để ý nhìn và chợt rõ hai cổ tay ông bị trói chặt vào nhau về phía trước. Bố Khả bước lên vài bước, nhưng ông Bô Khương thì vẫn đứng nguyên ở bậc cửa, cặp môi nhếch ra hé cười. Mãi đến khi bố dừng lại giơ tay vẫy, ông mới lững thững tiến lên, bước từng bước khó khăn lạch lạch như bị sai khiến bởi một sức vô hình trong khi cặp mắt mở to. Và tất cả mọi nét trên gương mặt ông hoàn toàn bất động, không thuyên giảm.

Tôi lách đám đông định vòng qua bên hông nhà thờ để nhìn cho rõ, vì cả bố Khả lẫn ông Bô Khương bước ra tới giữa bậc thềm đều đã xoay lưng lại. Khi tôi chen tới bên ngoài, tiến lên được vài bước thì thấy bóng thẳng Ánh từ phía cổng nhà xứ chạy vụt ra về phía nhà cô giáo. Dáng điệu của nó khiến tôi nghi ngờ hết sức. Tôi quay lại nhìn con Hạnh vừa lúc nó cũng đang nhón nhác đưa mắt tìm tôi.

Tôi rời bóng nó bước đuổi theo thẳng Ánh. Được một quãng, ngó trở lại, con Hạnh đang lách mình qua mấy gã du kích để chạy về phía tôi. Một gã loạng choạng suýt ngã vì bị người nó va vào trong khi đang đứng bắt chéo chân trên sân cỏ. Tôi quay lại, bóng thẳng Ánh nhảy chân sáo vừa khuất tại một khúc rẽ ở “giong” trên. Chân tôi bước mau tưởng

chùng như chạy. Khi chỉ còn cách nhà cô giáo một đoạn ngắn, tôi thấy bóng thẳng Ánh xô cửa bước vào. Gió thổi nhẹ và lác đác từng hạt mưa nhỏ phủ vào mặt tôi.

Tới sát nhà cô giáo đột nhiên chân tôi dừng hẳn lại vì một tiếng động lớn từ trong nhà vọng ra, mà hình như là tiếng ghế đổ. Mưa bắt đầu nặng hạt lộp độp nhỏ vào mấy tàu chuối trên đầu, tôi thoáng nghe tiếng cô giáo hắt ra với vẻ giận dữ:

– Đến bây giờ tôi mới hiểu rõ, thì ra chỉ vì những nhớp đang dè nặng trên đầu ông, chỉ vì muốn bọn chó săn lảng đi trong chốc lát sự có mặt của ông ở làng này mà một kẻ vô tội như gã thầy già điên kia phải chịu nhục hình...

Giờ đây hẳn là ông toại nguyện. Tôi đoán chắc linh hồn chị Agnès lẫn cả

người bạn gái của tôi đã rộng lòng tha thứ cho ông. Nhưng riêng tôi, tôi không muốn nhìn thấy bộ mặt ghê tởm của ông nữa. Bây giờ, đòn đã sẵn sàng rời bến. Ông còn đợi chờ gì? Nhưng xin ông hiểu cho rằng thằng Ánh là của tôi, của riêng tôi thôi. Không ai có quyền giữ nó, ông đi đi!

Đột nhiên tôi nghe tiếng thằng Ánh hét lên rồi ông M. từ trong nhà bước ra, hất mạnh cái màn cửa, lôi thằng Ánh chạy vụt về phía bến đò. Tôi rời bụi chuối bước vội vào nhà. Cô giáo đang gục đầu trên bàn thờ dốc, mớ tóc xõa phủ đàng trước che khuất hẳn khuôn mặt. Nhác thấy tôi, cô chồm dậy. Tôi dang tay ra, vừa kịp đỡ thân hình cô đổ tới. Mắt cô giáo khép lại. Tôi vỗ vỗ vỗ nhẹ vào một bên má cô. Cô giáo tỉnh lại. Tôi kéo cô chạy đuổi theo thằng Ánh.

Đường láng như bơi mỡ, tóc cô xõ tung bay dài về phía sau. Qua khỏi nghĩa địa, cô trượt chân ngã chúi. Bóng ông M. và thằng Ánh ở phía trước mờ mờ qua làn mưa dày đặc. Tôi chụm hai tay vào miệng gọi tên thằng Ánh. Tiếng tôi bật về phía sau. Tôi quay lại chìa tay về phía cô giáo. Cô chống một tay trên mặt đất còn một tay giơ lên với lấy. Tôi kéo cô giáo lên. Qua mớ tóc rối của cô, tôi nhìn thấy bóng một gã du kích đang đuổi theo con Hạnh ở khúc rẽ chúng tôi vừa qua.

Tôi hốt hoảng quay lại, nắm chặt tay cô giáo kéo đi thật mạnh. Gần tới bến đò, con Hạnh đuổi kịp chúng tôi. Bóng ông M. và thằng Ánh vừa lọt khỏi mũi thuyền. Con đò tròn trĩnh tách bến. Cô giáo đứng vịn vào vai tôi đưa tay áo lên chạm mi mắt. Ngay lúc đó, một tiếng “đòàng” vang dậy. Người lái đò hốt

hoảng cúi rạp xuống mạn thuyền bỏ rơi con sào.

Tôi quay lại, người du kích hạ súng lặng đứng nhìn con thuyền dần dần ra khỏi tầm đạn, trôi theo dòng nước. Tôi nhận ra nó chính là đứa bị con Hạnh xô phải trong sân cỏ. Đột nhiên có tiếng cô giáo kêu lên. Con đò đang đi từ từ quay mũi trở lại. Tôi đưa tay vuốt vội mớ tóc rũ sũng nước trên trán. Gã du kích từ phía sau tiến lên vài bước. Con đò chệch choạng ghé sát vào bờ. Bóng ông M. hiện ra đứng trước mũi thuyền, hai tay bồng thẳng Ánh. Con Hạnh rú khẽ. Tôi nhìn rõ một vết máu đang chảy dài trên ngực áo ông. Cô giáo vùng chạy tới, chúng tôi theo sau. Riêng có gã du kích vẫn đứng nguyên hờm súng. Ông M. đã bước lên bờ, chiếc đầu thẳng Ánh rũ xuống một bên cánh tay. Da mặt nó xám ngắt và nơi

ngực, máu đỏ lòm loang một khoảng lớn. Cô giáo nhìn thẳng Ánh rồi bật khóc nức nở. Ông M. nét mặt có vẻ buồn rầu.

Gã du kích đứng sang một bên nhường lối cho chúng tôi qua. Mưa vẫn rơi đều đặn. Nước róc rách chảy trong một lòng cống qua đường. Tất cả như một đám rước, đi ngược bờ đê tiến về phía nhà thờ. Những bụi cây hai bên đường bắt đầu sẫm lại. Hơi nóng từ trong người tôi bùng bùng thấm qua làn vải ướt. Vài người trên đường ngơ ngác nhìn chúng tôi đi qua.

Khi chúng tôi về tới cửa nhà nguyện, cuộc phụng vụ vừa xong. Cha T. quì lại sau hồi chuông tắt lửa. Bóng bố Khả lênh khênh chụp cái bù đài lên từng ngọn nến. Ánh sáng leo lét nhỏ dần, chặt

đôi gương mặt bố. Mọi người lục tục rời hàng ghế. Khi thấy chúng tôi, họ dừng cả lại đứng như bất động.

Ngay lúc ấy một làn chớp lóe lên. Bóng ông Bô Khương vụt hiện ra rất nhanh ngoài sân cỏ, mang hình ảnh cứu chuộc thê thảm trên đỉnh đồi Golgotha đồng thời với một tiếng sét kinh hoàng. Tôi run rẩy bấu chặt tay vào bờ tường nhìn xác thẳng Ánh xám ngắt loạng choạng trên tay ông M. Đầu cô giáo gục xuống, gương mặt hoàn toàn nằm trong bóng tối. Dư âm tiếng sét còn lại vang rền. Tôi nghe chùng cả một khoảng trời cao vừa sụp đổ.

tháng 8/ 1963

Thế Nguyên

(trích phần cuối tập truyện Hồi Chuông Tắt Lửa, Nxb Nam Sơn, Sài Gòn, 1964.)

trích lại từ vanchuongviet.org/

